

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-HCC
V/v tiếp tục triển khai Quyết định số
766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của
Thủ tướng Chính phủ

Lào Cai, ngày tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn thông Yên Bái, Viễn thông Lào Cai.

Ngày 23/6/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 766/QĐ-TTg phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (gọi tắt là Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp). Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp là một trong những tiêu chuẩn để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; xác định trách nhiệm của cá nhân, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công; ưu tiên xem xét đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và xem xét khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo khoản 2 Điều 34 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

Tính đến ngày 25/8/2025, tỉnh Lào Cai xếp thứ 15/34 tỉnh, thành phố, đạt 82,16 điểm, mặc dù số điểm tăng, nhưng xếp hạng lại giảm¹ (*Công khai minh bạch đạt 15,34/18 điểm, Tiến độ giải quyết đạt 18,95/20 điểm², Dịch vụ công trực tuyến đạt 16,63/22 điểm³, Mức độ hài lòng đạt 17,97/18 điểm, Số hóa hồ sơ đạt 13,3/22 điểm⁴*) trên Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Để triển khai hiệu quả, chất lượng Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương quyết liệt triển khai thực hiện các nội dung sau:

¹ Một số sở, ban, ngành, địa phương xếp thứ hạng thấp: UBND các xã: Ngũ Chi Sơn (xếp thứ 90); Tân Hợp (xếp thứ 91); Xuân Ái (xếp thứ 92); Văn Bàn (xếp thứ 93); Bảo Nhai (xếp thứ 94); Cầu Thia (xếp thứ 95); Hưng Khánh (xếp thứ 96); Tầng Lông (xếp thứ 97); Tà Xi Láng (xếp thứ 98); Thượng Bằng La (xếp thứ 99);

Một số sở, ban, ngành có tổng điểm các chỉ số thấp dưới mức trung bình của cả nước: Sở Nông nghiệp và môi trường; Sở Công thương; Sở Tư pháp; Ban Quản lý các khu công nghiệp...

² Một số sở, ban, ngành, địa phương có hồ sơ quá hạn nhiều: Sở Nông nghiệp và Môi trường 303 hồ sơ, UBND phường Lào Cai 148 hồ sơ, UBND xã Lục Yên 146 hồ sơ, UBND phường Cam Đường 101 hồ sơ, UBND xã Bảo Hà 80 hồ sơ, UBND xã Gia Phú 68 hồ sơ...

³ Một số sở, ban, ngành, địa phương tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến thấp: Sở Công thương, Sở Tư pháp, Ban Quản lý các khu công nghiệp; UBND các xã, phường: Nghĩa Tâm, Cam Đường, Cầu Thia, Chấn Thịnh, Tú Lệ, Hưng Khánh, Thượng Bằng La.

⁴ Một số sở, ban, ngành, địa phương có Tỷ lệ số hóa hồ sơ thấp: Sở Nội vụ, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Nông nghiệp và môi trường, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Ngoại vụ, Ban Quản lý khu công nghiệp; UBND các xã, phường: Xuân Ái, Bảo Thắng, Sơn Lương, Gia Hội, Hưng Khánh, Yên Bình, Bảo Nhai, Văn Bàn, Cầu Thia, Tân Hợp, Tầng Lông.

1. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã

Quán triệt, triển khai nghiêm túc Văn bản số 862/UBND-HCC ngày 02/8/2025 của UBND tỉnh Lào Cai về đơn đốc triển khai nhóm chỉ số Bộ chỉ số 766, trong đó khẩn trương thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh niêm yết công khai bộ TTHC trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương. Hoàn thành **trước ngày 15/9/2025**.

- Cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, đảm bảo 100% hồ sơ giải quyết TTHC phải được tiếp nhận, giải quyết trên môi trường điện tử.

- Khẩn trương rà soát các hồ sơ TTHC đã có kết quả, thực hiện trả kết quả cho người dân, doanh nghiệp và kết thúc toàn bộ quy trình giải quyết hồ sơ TTHC (*chuyển hồ sơ từ trạng thái "Đã có kết quả" sang "Đã trả kết quả"*); 100% kết quả giải quyết hồ sơ TTHC phải được ký số, đóng dấu điện tử và đính tệp tin kết quả trên hệ thống (*đính tệp tin kết quả tại mục tệp tin kết quả*).

- Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC đảm bảo đúng hạn, trước hạn. Thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và cổng DVC quốc gia đảm bảo đúng quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã phê duyệt đối với từng TTHC. Quán triệt cán bộ tham gia vào quy trình giải quyết TTHC kịp thời xử lý, giải quyết hồ sơ nộp trực tuyến **không để chậm, muộn tại tài khoản một cửa quá 8 giờ làm việc** (*không để quá hạn bước xử lý*); đính kèm đầy đủ thành phần hồ sơ giải quyết TTHC trên hệ thống; hạn chế tối đa việc yêu cầu người dân, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ **quá 01 lần trên hệ thống**; làm văn bản từ chối giải quyết hồ sơ và đính kèm vào tệp tin kết quả trên hệ thống **nếu quá 15 ngày** mà người dân, doanh nghiệp không hoàn thiện hồ sơ; hướng dẫn, tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp nhận kết quả tại nhà hoặc trả kết quả trực tuyến qua thư điện tử (Email), hạn chế nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan giải quyết (*trạng thái được lựa chọn trên hệ thống*).

- Tích thực hiện thanh toán trực tuyến, nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với hồ sơ có phí, lệ phí. Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối soát tiền phí, lệ phí hàng ngày trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để đảm bảo 100% các khoản phí, lệ phí được chuyển về tài khoản thụ hưởng trong ngày.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đảm bảo **không quá 10 ngày làm việc**.

- Tích cực khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu điện tử trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp hồ sơ, giấy tờ là bản giấy, đồng thời, thực hiện đính kèm tệp tin thông tin, dữ liệu đã khai thác trên hệ thống để làm tài liệu kiểm chứng và ghi nhận nguồn khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu điện tử.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, sáng kiến để nâng cao các nhóm chỉ số thành phần của Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp. Định kỳ hàng tháng, cơ quan, địa phương có kết quả đánh giá xếp loại ở mức yếu hoặc trung bình phải làm báo cáo giải trình xác định rõ trách nhiệm, nguyên nhân và giải pháp khắc phục với UBND tỉnh (*qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổng hợp*).

2. Văn phòng UBND tỉnh (*Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh*)

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Quản lý, phân quyền quản trị sử dụng, vận hành, khai thác dữ liệu của Hệ thống đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp cho các đơn vị, địa phương nâng cao hiệu quả công tác Cải cách hành chính của tỉnh.

- Theo dõi, tổng hợp, hàng tháng (*chỉ ra các tồn tại, hạn chế của các sở, ngành địa phương*) báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo có biện pháp khắc phục Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Sở Khoa học và công nghệ

- Khẩn trương phối hợp với các cơ quan, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến để tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm đạt tỷ lệ tối thiểu theo Nghị quyết hằng năm của Chính phủ.

- Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Viễn thông Yên Bái, Viễn thông Lào Cai và các đơn vị liên quan đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Trục liên thông văn bản, máy chủ bảo mật và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hoạt động thông suốt, liên tục.

4. Sở Tư pháp chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện nhiệm vụ về “*Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính*” đảm bảo 100% UBND các xã, phường triển khai Chứng thực điện tử cho người dân.

5. Công an tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân cấp căn cước, thu nhận và kích hoạt tài khoản định danh điện tử (VneID mức độ 2) cho người dân đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ công trực tuyến; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông rà soát, chuẩn hóa thông tin di động; duy trì làm sạch, cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo dữ liệu dân cư được đúng, đủ, sạch sống..

6. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, địa phương nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh lấy kết quả đánh giá Bộ chỉ số theo Quyết định số 766 vào tiêu chí chấm điểm CCHC; bổ sung quy định về khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt loại xuất sắc và tập thể, cá nhân trong tham mưu, thực hiện tốt các nhóm chỉ số theo Quyết định 766; tham mưu UBND tỉnh lấy kết quả thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg để đánh giá thi đua hàng năm của các sở, ngành, địa phương theo quy định.

7. Viễn thông Yên Bái, Viễn thông Lào Cai tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lào Cai theo hướng dẫn kỹ thuật về kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lào Cai với Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ đánh giá các nhóm chỉ số tại Quyết định số 766/QĐ-

TTg theo thời gian thực. Thời gian hoàn thành **trước ngày 30/8/2025**.

- Chủ động triển khai các giải pháp, khắc phục ngay tình trạng chưa đồng độ đầy đủ các trạng thái hồ sơ theo quy định; thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan khắc phục kịp thời tình trạng hồ sơ quá hạn trên Bộ chỉ số theo Quyết định 766 do lỗi đồng bộ hồ sơ.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện.

(Gửi kèm theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ và xếp hạng của các sở, ban, ngành, địa phương tính đến ngày 25/8/2025)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND: Ngô Hạnh Phúc;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh (đ/c Tú);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Hạnh Phúc

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đóng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▼

Danh sách ▼

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▼

Năm ▼

2025 ▼

UBND tỉnh Lào Cai ▼

← Quay lại Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - UBND tỉnh Lào Cai

STT	Sở	Điểm
1	Sở Y tế tỉnh Lào Cai	87.94
2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai	87.02
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai	86.06
4	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	79.66
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	78.39
6	Sở Ngoại vụ Tỉnh Lào Cai	77.25
7	Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	74.31
8	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Lào cai	73.95
9	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai	73.04
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	68.94
11	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai	66.55
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai	65.73
13	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	60.63

STT	Xã	Điểm
87	UBND XÃ KHÁNH YẾN	82.9
88	UBND XÃ XUÂN QUANG	82.82
89	UBND XÃ BẢO THẮNG	82.8
90	UBND XÃ NGŨ CHỈ SƠN	82.79
91	UBND Xã Tân Hợp	82.63
92	UBND Xã Xuân Ái	82.57
93	UBND XÃ VĂN BẢN	82.14
94	UBND XÃ BẢO NHAİ	82.13
95	UBND Phường Cầu Thia	81.91
96	UBND Xã Hưng Khánh	81.04
97	UBND XÃ TẮNG LỒONG	79.36
98	UBND Xã Tà Xi Lăng	79.11
99	UBND Xã Thượng Bằng La	77.86

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đóng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▼

Danh sách ▼

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▼

Năm ▼

2025 ▼

UBND tỉnh Lào Cai ▼

← Quay lại Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - UBND tỉnh Lào Cai

STT	Sở	Điểm
1	Sở Y tế tỉnh Lào Cai	87.94
2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai	87.02
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai	86.06
4	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	79.66
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	78.39
6	Sở Ngoại vụ Tỉnh Lào Cai	77.25
7	Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	74.31
8	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Lào cai	73.95
9	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai	73.04
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	68.94
11	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai	66.55
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai	65.73
13	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	60.63

STT	Xã	Điểm
79	UBND XÃ GIA PHÚ	83.75
80	UBND XÃ NẬM CHÀY	83.58
81	UBND Xã Sơn Lương	83.47
82	UBND Xã Tú Lệ	83.45
83	UBND Xã Yên Bình	83.32
84	UBND PHƯỜNG CAM ĐƯỜNG	83.25
85	UBND Xã Gia Hội	83.23
86	UBND PHƯỜNG LÀO CAI	83.2
87	UBND XÃ KHÁNH YẾN	82.9
88	UBND XÃ XUÂN QUANG	82.82
89	UBND XÃ BẢO THẮNG	82.8
90	UBND XÃ NGŨ CHỈ SƠN	82.79
91	UBND Xã Tân Hợp	82.63

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DẪN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đồng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▼

Danh sách ▼

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▼

Năm ▼

2025 ▼

UBND tỉnh Lào Cai ▼

← Quay lại Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - UBND tỉnh Lào Cai

STT	Sở	Điểm
1	Sở Y tế tỉnh Lào Cai	87.94
2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai	87.02
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai	86.06
4	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	79.66
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	78.39
6	Sở Ngoại vụ Tỉnh Lào Cai	77.25
7	Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	74.31
8	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Lào cai	73.95
9	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai	73.04
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	68.94
11	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai	66.55
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai	65.73
13	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	60.63

STT	Xã	Điểm
66	UBND Phường Nam Cường	84.88
67	UBND Xã Mậu A	84.84
68	UBND Xã Phình Hồ	84.84
69	UBND XÃ PHÚC KHÁNH	84.79
70	UBND XÃ CỐC SAN	84.63
71	UBND Phường Văn Phú	84.61
72	UBND XÃ CỐC LẦU	84.56
73	UBND XÃ HỢP THÀNH	84.46
74	UBND Xã Liên Sơn	84.4
75	UBND XÃ BẮC HÀ	84.33
76	UBND XÃ MINH LƯƠNG	84.17
77	UBND XÃ PHA LONG	84.16
78	UBND XÃ NGHĨA ĐỒ	83.9

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DẪN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đồng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▼

Danh sách ▼

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▼

Năm ▼

2025 ▼

UBND tỉnh Lào Cai ▼

← Quay lại Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - UBND tỉnh Lào Cai

STT	Sở	Điểm
1	Sở Y tế tỉnh Lào Cai	87.94
2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai	87.02
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai	86.06
4	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	79.66
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	78.39
6	Sở Ngoại vụ Tỉnh Lào Cai	77.25
7	Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	74.31
8	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Lào cai	73.95
9	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai	73.04
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	68.94
11	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai	66.55
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai	65.73
13	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	60.63

STT	Xã	Điểm
53	UBND Xã Mỏ Vàng	85.62
54	UBND XÃ SI MA CAI	85.54
55	UBND Xã Púng Luông	85.52
56	UBND XÃ NẬM XẾ	85.49
57	UBND XÃ XUÂN HÒA	85.46
58	UBND Xã Tân Lĩnh	85.43
59	UBND XÃ DẸN SÁNG	85.36
60	UBND Xã Trại Tầu	85.36
61	UBND XÃ MƯỜNG BÒ	85.16
62	UBND Xã Phong Dụ Hạ	85.07
63	UBND XÃ BẢN LẤU	84.97
64	UBND Xã Phong Dụ Thượng	84.95
65	UBND Xã Mù Cang Chải	84.93

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đồng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▼

Danh sách ▼

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▼

Năm ▼

2025 ▼

UBND tỉnh Lào Cai ▼

← Quay lại Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - UBND tỉnh Lào Cai

STT	Sở	Điểm
1	Sở Y tế tỉnh Lào Cai	87.94
2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai	87.02
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai	86.06
4	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	79.66
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	78.39
6	Sở Ngoại vụ Tỉnh Lào Cai	77.25
7	Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	74.31
8	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Lào cai	73.95
9	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai	73.04
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	68.94
11	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai	66.55
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai	65.73
13	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	60.63

STT	Xã	Điểm
40	UBND Xã BÁT XÁT	86.29
41	UBND Xã Lương Thịnh	86.26
42	UBND Xã Cát Thịnh	86.22
43	UBND Xã BẢN HỒ	86.22
44	UBND Xã Chấn Thịnh	86.22
45	UBND Xã BẢO YẾN	86.17
46	UBND Xã Quy Mông	86.07
47	UBND Phường Trung Tâm	86.04
48	UBND Xã TRỊNH TƯỚNG	86
49	UBND Phường Ấu Lâu	85.86
50	UBND Xã Y TÝ	85.79
51	UBND Xã TẢ PHÌN	85.72
52	UBND Xã Khao Mang	85.64

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đồng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▼

Danh sách ▼

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▼

Năm ▼

2025 ▼

UBND tỉnh Lào Cai ▼

← Quay lại Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - UBND tỉnh Lào Cai

STT	Sở	Điểm
1	Sở Y tế tỉnh Lào Cai	87.94
2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai	87.02
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai	86.06
4	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	79.66
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	78.39
6	Sở Ngoại vụ Tỉnh Lào Cai	77.25
7	Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	74.31
8	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Lào cai	73.95
9	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai	73.04
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	68.94
11	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai	66.55
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai	65.73
13	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	60.63

STT	Xã	Điểm
27	UBND Xã THUẬN HẠ	86.73
28	UBND Xã Phúc Lợi	86.72
29	UBND Xã Thác Bà	86.71
30	UBND Xã Mường Lai	86.65
31	UBND Phường Nghĩa Lộ	86.57
32	UBND Xã Cẩm Nhân	86.53
33	UBND Xã BẢN XẾO	86.48
34	UBND Xã Đồng Cuồng	86.47
35	UBND Xã LỪNG PHÌNH	86.47
36	UBND Xã CHIẾNG KEN	86.44
37	UBND Xã Nghĩa Tâm	86.4
38	UBND Xã PHONG HẢI	86.4
39	UBND Xã Châu Quế	86.37

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTTC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đồng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▼

Danh sách ▼

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▼

Năm ▼

2025 ▼

UBND tỉnh Lào Cai ▼

← Quay lại Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - UBND tỉnh Lào Cai

STT	Sở	Điểm
1	Sở Y tế tỉnh Lào Cai	87.94
2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai	87.02
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai	86.06
4	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	79.66
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	78.39
6	Sở Ngoại vụ Tỉnh Lào Cai	77.25
7	Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	74.31
8	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Lào cai	73.95
9	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai	73.04
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	68.94
11	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai	66.55
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai	65.73
13	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	60.63

STT	Xã	Điểm
14	UBND XÃ DƯƠNG QUÝ	87.6
15	UBND Xã Hạnh Phúc	87.55
16	UBND Xã Trấn Yên	87.5
17	UBND xã Chế Tạo	87.48
18	UBND XÃ CAO SƠN	87.33
19	UBND XÃ A MÚ SUNG	87.26
20	UBND XÃ VỎ LAO	87.22
21	UBND XÃ TẢ VAN	87.17
22	UBND xã Lâm Giang	87.16
23	UBND XÃ SỈN CHÉNG	87.1
24	UBND Xã Văn Chấn	86.95
25	UBND XÃ BẢO HÀ	86.89
26	UBND PHƯỜNG SA PA	86.74

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTTC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đồng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▼

Danh sách ▼

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▼

Năm ▼

2025 ▼

UBND tỉnh Lào Cai ▼

← Quay lại Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - UBND tỉnh Lào Cai

STT	Sở	Điểm
1	Sở Y tế tỉnh Lào Cai	87.94
2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai	87.02
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai	86.06
4	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	79.66
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	78.39
6	Sở Ngoại vụ Tỉnh Lào Cai	77.25
7	Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai	74.31
8	Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Lào cai	73.95
9	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai	73.04
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai	68.94
11	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai	66.55
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai	65.73
13	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	60.63

STT	Xã	Điểm
1	UBND XÃ TẢ CÚ TỶ	89.38
2	UBND Xã Việt Hống	89.19
3	UBND Xã Lục Yên	88.85
4	UBND XÃ MƯỜNG HUM	88.62
5	UBND Xã Lâm Thượng	88.49
6	UBND Xã Khánh Hòa	88.37
7	UBND XÃ MƯỜNG KHƯỞNG	88.14
8	UBND Xã Yên Thành	88.09
9	UBND Xã Nậm Cỏ	88.07
10	UBND XÃ BẮN LIẾN	87.8
11	UBND Phường Yên Bái	87.73
12	UBND Xã Lao Chải	87.64
13	UBND Xã Bảo Ái	87.63

BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

Chỉ số Tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính bằng tỷ lệ * tỷ lệ HS đồng bộ trên Cổng QG/Số hồ sơ tiếp nhận (trên Hệ thống báo cáo của Chính phủ hoặc trên Cổng DVCQG)

Tỉnh, Thành phố ▾

Danh sách ▾

Nhóm chỉ tiêu

Loại thời gian

Năm

Tỉnh/thành phố

Tổng hợp ▾

Năm ▾

2025 ▾

Cả nước ▾

Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp

STT	Tỉnh/Thành phố	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm
11	UBND tỉnh Bắc Ninh	15.54	18.39	15.32	17.86	15.8	82.91
12	UBND tỉnh Hưng Yên	15.99	19.43	16.96	16.33	13.98	82.69
13	UBND tỉnh Gia Lai	15.22	18.8	15.23	17.85	15.58	82.68
14	UBND tỉnh Nghệ An	14.57	18.94	16.62	16.86	15.34	82.33
15	UBND tỉnh Lào Cai	15.34	18.94	16.63	17.97	13.28	82.16
16	UBND tỉnh An Giang	15.45	18.27	16.31	17.9	14.17	82.1
17	UBND tỉnh Đắk Lắk	14.34	18.16	16.9	17.53	14.85	81.78
18	UBND Thành phố Huế	16.01	17.17	14.42	17.37	15.89	80.86
19	UBND tỉnh Ninh Bình	15.96	18.78	14.52	17.93	13.56	80.75
20	UBND tỉnh Lai Châu	15.67	18.9	14.81	18	12.26	79.64
21	UBND tỉnh Quảng Ninh	14.65	17.67	16	17.59	13.54	79.45